

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27-8-2021.

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Tiến Thịnh.
2. Ông Nguyễn Thiện Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị V, sinh năm 1996 (vắng mặt);
Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.
Nơi cư trú: Đường B, tổ 08, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình.
2. Bị đơn: Anh Lê Đức T, sinh năm 1990 (vắng mặt);
Nơi cư trú: Thôn H, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đỗ Thị V trình bày:***

Chị và anh Lê Đức T tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 31/8/2018 tại UBND xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, anh T thường đánh chửi chị. Nguyên nhân chính là do anh T chơi cờ bạc, nghiện ngập, không tu chí làm ăn. Từ tháng 7/2019, chị và anh T đã sống ly thân mỗi người một nơi. Nay chị V xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục nên đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Lê Đức T. Việc ly hôn chị V đã suy nghĩ kỹ và hoàn toàn tự nguyện.

Chị V và anh T không có con chung.

Chị V và anh T không có tài sản, không cho ai vay hoặc vay ai tài sản gì nên chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

**** Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Đức T trình bày:***

Về thời gian, điều kiện kết hôn, anh T trình bày như chị V đã khai. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, cãi vã do tính tình vợ chồng không hợp, không tìm được tiếng nói chung. Từ cuối năm 2020, anh T và chị V đã sống ly thân, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được hai bên gia đình phân tích, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Đến thời điểm hiện tại, anh T xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị V không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn không thể hòa giải, chị V khởi kiện ly hôn anh, anh T đồng ý ly hôn. Việc ly hôn anh đã suy nghĩ kỹ và hoàn toàn tự nguyện.

Quá trình chung sống, anh và chị V không có con chung.

Anh T và chị V tự thỏa thuận giải quyết về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại biên bản xác minh ngày 08 tháng 7 năm 2021, đại diện UBND xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình cung cấp:***

Chị V và anh T kết hôn năm 2018, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại thôn H, xã P, thành phố T. Quá trình chung sống, giữa chị V và anh T thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do anh T ham chơi, ít quan tâm đến gia đình, chị V chưa khéo léo trong cách cư xử với chồng và gia đình bên chồng. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được gia đình phân tích, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ cuối năm 2020, do mâu thuẫn căng thẳng, chị V đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh T và chị V đã sống ly thân.

Chị V và anh T không có con chung

Về tài sản, về việc cho vay hoặc vay mượn ai tài sản gì của chị V, anh T, địa phương không nắm được

*** *Phát biểu của Kiểm sát viên:***

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Đỗ Thị V được ly hôn anh Lê Đức T.

Về nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết.

Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Đỗ Thị V khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Lê Đức T, anh Lê Đức T hiện đang cư trú tại xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình, do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T vắng mặt không có lý do, Tòa án không tiến hành hòa giải được vì vậy phải đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt nguyên đơn chị Đỗ Thị V và bị đơn anh Lê Đức T.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị V và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp.

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình quy định: “1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào

tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Xét thấy, trong quá trình chung sống, giữa chị V và anh T đã xảy ra mâu thuẫn không thể hòa giải dẫn đến vợ chồng phải sống ly thân. Mặt khác, việc anh T không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập, không tham gia phiên hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của chị V thể hiện anh T đã tự từ bỏ cơ hội khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng chị V. Chị V khởi kiện ly hôn anh T, anh T cũng đồng ý ly hôn. Như vậy, hôn nhân giữa chị V, anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình số 52/2014/QH13, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V.

[3] Về nuôi con chung: Chị V và anh T không có con chung, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết

[4] Về chia tài sản: Chị V và anh T không có yêu cầu, do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 146, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Chị Đỗ Thị V và anh Lê Đức T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 29 do UBND xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình cấp ngày ngày 31/8/2018 không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị V phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị V đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000199 ngày 09 tháng 6 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Đỗ Thị V và bị đơn anh Lê Đức T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn: UBND xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình (ĐKKH số 29, ngày 31/8/2018);
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Linh Nga